TRƯỜNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG
KHOA CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 51

Ngành: **Kỹ thuật Phần Mềm** (Software Engineering) Mã ngành: 7480103

Chuyên ngành:

Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 4.5 năm Danh hiệu: Kỹ sư

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt Buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ I - Năm thứ 1										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			*Bố trí theo nhóm ngành*
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	CT100	Kỹ năng học đại học	2	2		20	20			
6	CT005	Nền tảng Công nghệ số	4	4		30	60			
Cộng: 14 TC (14 BB)				**14**						
Học kỳ II – Năm thứ 1										
1	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				*SV tự chọn*
	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				
2	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
3	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60			
4	CT172E	Toán rời rạc	4	4		60				
Cộng: 15 TC (11 BB + 4 TC)				**11**	**4**					
Học kỳ III - Năm thứ 1										
1	TC100	Giáo dục thể chất 1	1		1	0	30			*SV tự chọn*
2	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023		*SV tự chọn*
	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
3	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
4	TN001	Vi - Tích phân A1	3	3		45				
5	CT177	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30	CT101		
Cộng: 12 TC (8 BB + 4 TC)				**8**	**4**					
Học kỳ I - Năm thứ 2										
1	TC100	Giáo dục thể chất 2	1		1	0	30			*SV tự chọn*
2	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		*SV tự chọn*
	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
3	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
4	TN002	Vi - Tích phân A2	4	4		60		TN001		
5	CT174	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177		
Cộng: 13 TC (9 BB + 4 TC)				**9**	**4**					
Học kỳ II - Năm thứ 2										
1	TC100	Giáo dục thể chất 3	1		1	0	30			*SV tự chọn*
2	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
3	CT175	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT177		
4	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60				
5	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45				
6	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				*SV tự chọn*
	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương	2			30				

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt Buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
	KN001E	Kỹ năng mềm	2			30				
	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			30				
Cộng: 15 TC (12 BB + 3 TC)				**12**	**3**					
Học kỳ III - Năm thứ 2										
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
2	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
3	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101		
4	CT113	Nhập môn công nghệ phần mềm	2	2		20	20			
5	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
Cộng: 12 TC (12 BB)				**12**						
Học kỳ I - Năm thứ 3										
1	CT188	Nhập môn lập trình Web	3	3		30	30			
2	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT173		
3	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177		
4	CT182	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	3		30	30	CT176	CT180	
Cộng: 12 TC (12 BB)				**12**						
Học kỳ II - Năm thứ 3										
1	CT223	Quản lý dự án phần mềm	3	3		30	30			
2	CT296	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	3		30	30	CT180		
3	CT240E	Nguyên lý xây dựng phần mềm	3	3		45		CT113, CT176, CT182		
4	CT241	Phân tích yêu cầu phần mềm	3	3		30	30	CT113, CT182		
Cộng: 12 TC (12 BB)				**12**						
Học kỳ III- Năm thứ 3										
1	CT239E	Niên luận cơ sở ngành KTPM	3	3			90	≥ 90TC, CT174		
3	CT242	Kiến trúc và Thiết kế phần mềm	3	3		30	30	CT113		
4	CT243	Đảm bảo chất lượng và Kiểm thử phần mềm	4	4		45	30	CT113		
5	CT190E	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2	2		30				
Cộng: 12 TC (12 BB)				**12**						
Học kỳ I – Năm thứ 4										
1	CT244	Bảo trì phần mềm	3	3		30	30	CT113		
2	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178		
3	CT179	Quản trị hệ thống	3	3		30	30			
4	CT246	Lập trình .NET	3		3	30	30	CT176		
	CT276	Lập trình Java	3			30	30	CT176		
	CT449	Phát triển ứng dụng web	3			30	30			
	CT483	Chuyên đề lập trình trên di động	3			30	30	CT176		
Cộng: 12 TC (9 BB+3 TC)				**9**	**3**					
Học kỳ II - Năm thứ 4										
1	CT250E	Niên luận ngành Kỹ thuật phần mềm	3	3			90	CT241, CT242, CT243, CT223		
2	CT487	Học sâu cho công nghệ phần mềm	3	3		30	30	CT190		
3	CT287	Kiểm chứng mô hình	3	3		30	30	CT241		
4	CT189E	Nhập môn mô phỏng	3	CN1	3	30	30	CT176		
	CT295E	Nền tảng phần mềm nhúng và IoT	3	CN2		30	30	CT176		
	CT460E	Quản lý quy trình nghiệp vụ	3	CN3		30	30	CT176		
Cộng: 12 TC (9 BB+3 TC)				**9**	**3**					

Học kỳ III - Năm thứ 4										
1	CT446	Ngôn ngữ lập trình mô phỏng	3	CN1	15	30	30			Làm Luận văn TN **HAY** làm Tiểu luận TN + phải học ít nhất 6TC CN **HAY** Phải học ít nhất 6TC CN
2	CT457	Phát triển phần mềm nhúng và IoT	3	CN2		30	30			
3	CT288	Kiến trúc phần mềm theo mô hình Client-Server	3	CN3		30	30			
4	CT202	Nguyên lý máy học	3							
5	CT254	Bảo mật, an toàn hệ thống thông tin	3					CT296		
6	CT207	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3					CT176		
7	CT233	Điện toán đám mây	3							
8	CT258	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3					CT296		
9	CT205	Quản trị cơ sở dữ liệu	3					CT180		
10	CT255	Nghiệp vụ thông minh	3			30	30	CT109		
11	CT505E	Tiểu luận tốt nghiệp - KTPM	6				180	≥ 120TC		
12	CT553E	Luận văn tốt nghiệp - KTPM	15				450	≥ 120TC		
Cộng: 15 TC (15 BB)					15					
Học kỳ I - Năm thứ 5										
1	CT458E	Thực tập doanh nghiệp - KTPM	5	5			90	≥ 120TC		
Cộng: 5 TC (5 BB)				**5**						
TỔNG CỘNG: 161 TC (125 BB + 36 TC)			**161**	**125**	**36**					

Đơn vị quản lý: Khoa Công nghệ phần mềm, Trường CNTT-TT.

Cần Thơ, ngày 20 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CNTT-TT

Nguyễn Hữu Hòa

TRƯỞNG KHOA CNTPM

Ký bởi: Trương Minh Thái
Email: tmthai@ctu.edu.vn
Cơ quan: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ, BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trương Minh Thái